

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HẬU GIANG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 131/2024/DS-PT

Ngày: 06 - 8 - 2024

V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Võ Thái Sơn

Bà Võ Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tấn Phát – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp về đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 130/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm 1938 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: **ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.**

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà **Nguyễn Thị Hồng H**: Ông **Nguyễn Phúc T1** (Có mặt).

Địa chỉ: **Số H N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

3.2. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1962 (Có mặt).

3.3. Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.**

3.4. Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.**

3.5. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.**

3.6. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp I, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang.**

3.7. Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **A, tổ A, khu V, phường A, quận N, TP Cần Thơ.**

3.8. Bà **Nguyễn Thị Hồng G**, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **C đường H, ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An.**

3.9. Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: **B đường số F, khu dân cư T, phường A, quận N, TP Cần Thơ.**

3.10. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: **khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.**

3.11. Chị **Nguyễn Thảo M**, sinh năm 1998 (Có mặt).

3.12. Anh **Nguyễn Tấn T3**, sinh năm 2006 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: **ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.**

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, đồng thời tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc căn nhà và phần đất tranh chấp là của bà **Lê Thị X**, bà **X** được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số CS 01875 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 17/5/2017, diện tích 180m², đất ở tại nông thôn. Phần đất và nhà bà X ở từ trước năm 1975 đến nay. Bà X đã cho đất các con trong gia đình, ai không nhận đất thì đều được cho bằng giá trị. Trong đó Nguyễn Văn M1 (chồng bà H, đã chết) là con trai út đã được cho hơn 7.000m² đất cây lâu năm và đã được cho thêm cái nền nhà ngang 8m, dài 35,65m. Tuy nhiên, phần nền nhà ông M1 chưa đứng tên đã chuyển nhượng lại cho anh ruột là Nguyễn Văn C với số tiền 400.000.000 đồng. Nay ông C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi cho đất các con, bà X chỉ còn lại 180m² đất và nhà trên đất để dưỡng già. Nay do mẹ chồng nàng dâu không thuận thảo không thể sống chung với nhau được, do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn di dời ra khỏi căn nhà của nguyên đơn, trả lại nhà và đất cho nguyên đơn theo diện tích nguyên đơn đã được cấp. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Bà H cho rằng nhà và đất là của mẹ chồng bà là bà Lê Thị X. Khi chồng bà là ông Nguyễn Văn M1 còn sống thì mẹ chồng có cho phần đất hơn 7.000m² đất cây lâu năm và được cho cái nền nhà cặp bên nhà của mẹ chồng nhưng khi chồng bà bệnh thì vợ chồng bà có chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn C giá 400.000.000 đồng. Ngoài ra, bà H cho rằng mẹ chồng và các anh em chồng có hứa cho luôn vợ chồng bà phần căn nhà đang ở thờ cúng ông bà. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà và các con di dời ra khỏi căn nhà thì bà H không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông C cho rằng căn nhà đang tranh chấp là của mẹ ông là bà Lê Thị X, căn nhà được xây dựng trên phần đất mẹ ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 01875 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 17/5/2017, diện tích 180m². Việc bà H trình bày rằng bà X và các anh em đều thống nhất cho vợ chồng bà căn nhà và đất đang tranh chấp là không có căn cứ và không có gì chứng minh. Ông Chính thống n với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị X.

[2] Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H và Nguyễn Thảo M, Nguyễn Văn T4 di dời khỏi căn nhà cấp 4 của bà Lê Thị X tọa lạc tại số A ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang trên phần đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 01875 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 17/5/2017.

[3] Bà Nguyễn Thị Hồng H và Nguyễn Thảo M, Nguyễn Văn T4 được quyền lưu cư 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Dành quyền khởi kiện cho bà Nguyễn Thị Hồng H nếu có yêu cầu tính công sức đóng góp thì khởi kiện thành vụ án khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, định giá, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: yêu cầu xem xét toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H có ông Nguyễn Phúc T1 trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu công nhận cho bà H, bà M, ông T4 ở ổn định trên phần nhà, phần đất đang tranh chấp để bà H, bà M, ông T4 phụng dưỡng bà Lê Thị X và có thể thờ cúng ông bà.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị X có ông Nguyễn Văn T trình bày: Yêu cầu bà H, bà M, ông T4 di dời trả lại phần nhà, phần đất đang tranh chấp cho bà X. Không đồng ý với yêu cầu của bị đơn, vì trước đây bị đơn xua đuổi mẹ ông là bà Lê Thị X ra khỏi nhà, quăng đồ mẹ ông ra sân nhà và khóa cửa không cho mẹ ông vào nhà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông không đồng ý với lời trình bày của bà H về việc bà H có sửa chữa phần nhà đang tranh chấp. Việc sửa chữa là do cha mẹ ông và anh em ông sửa chữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thảo M trình bày: Bà không đồng ý lời trình bày của nguyên đơn. Vì việc bà X ra khỏi nhà là do bà X tự đi, bà Nguyễn Thị Hồng H không có xua đuổi bà X hay có hành động quăng đồ bà X ra sân và không cho vào nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần nhà và đất tranh chấp được xác định là của nguyên đơn bà Lê Thị X. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 01875 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp cho hộ bà Lê Thị X ngày 17/5/2017 là dựa trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp lần đầu nên bà H không phải là thành viên hộ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H đã thừa nhận khi về làm dâu nhà và đất đã có sẵn. Do đó, nhà và đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của bà Lê Thị X nên việc bà X yêu cầu bà H di dời là có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày vợ chồng bà có sửa chữa nhà nhưng không giữ hóa đơn do nghĩ là người nhà và khi sửa vợ chồng bà không có hỏi ý kiến bà X. Tòa án cấp sơ thẩm có giải thích về việc tính công sức đóng góp nhưng bà H không có yêu cầu, Tòa án cấp sơ thẩm đã tách ra thụ lý giải quyết bằng vụ án khác khi bà có yêu cầu là phù hợp. Từ phân tích trên, đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Bà **Lê Thị X** khởi kiện yêu cầu bà **Nguyễn Thị Hồng H** di dời ra khỏi căn nhà của bà **X**, trả lại nhà và đất cho bà **X** theo diện tích mà bà được cấp. Bà **H** không đồng ý với yêu cầu của bà **X** nên phát sinh tranh chấp. Các bên đương sự và phần tài sản tranh chấp đều trên địa bàn **huyện C, tỉnh Hậu Giang**. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thụ lý giải quyết theo quan hệ “tranh chấp đòi lại tài sản” là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ tranh chấp.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem là hợp lệ và chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, có vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét các đương sự đều được triệu tập hợp lệ và đây là phiên xét xử lần 2, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc căn nhà và đất đang tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều khai thống nhất là của nguyên đơn bà **Lê Thị X** theo biên bản hòa giải ngày 28/7/2023. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời điểm bà **Lê Thị X** được **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 01875 cho hộ bà **Lê Thị X** vào ngày 17/5/2017, diện tích 180m², đất ONT. Việc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà **Lê Thị X** là do dựa trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu nên bà **H** cho rằng bà là thành viên trong hộ tại thời điểm cấp đất là không có căn cứ.

Mặt khác, tài sản của vợ chồng bà **X** đều đã chia phần cho các con trong gia đình, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, người thì được chia đất, người không có đất thì đã nhận vàng. Theo biên bản hòa giải ngày 21/02/2023, vợ chồng bà **H**

đã được bà X cho hơn 7.000m² và phần đất nền nhà chưa đứng tên nhưng do hoàn cảnh khó khăn, chồng bà H bị bệnh nên đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn C giá 400.000.000 đồng. Chỉ còn duy nhất căn nhà và đất để bà X dưỡng già là phần đang tranh chấp. Bị đơn cho rằng căn nhà đang tranh chấp bà X có hứa cho bị đơn tuy nhiên không có tài liệu chứng cứ để chứng minh.

Từ những cơ sở trên, thể hiện bị đơn không phải là chủ sở hữu hợp pháp của căn nhà và đất đang tranh chấp mà nhà và đất là do bà X tạo lập, việc nguyên đơn bà X không đồng ý cho bị đơn tiếp tục ở trên nhà và đất là có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng trong quá trình sử dụng bà và ông Nguyễn Văn M1 (chồng bà) có sửa lại nhà như thay cửa, lát gạch nhà trước, làm sân, lợp tole... nhưng do nghĩ người trong nhà nên không có giữ hóa đơn, chứng từ gì và khi sửa nhà cũng không có hỏi ý kiến của bà X. Xét thấy, quá trình giải quyết bà H không có yêu cầu Tòa án tính công sức đóng góp của vợ chồng bà đối với căn nhà, nên Tòa án cấp sơ thẩm dành quyền khởi kiện cho bà Nguyễn Thị Hồng H khởi kiện thành vụ kiện khác nếu bà H có yêu cầu.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu theo quy định là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 001385 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 10 của Luật Nhà ở năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị X.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H và Nguyễn Thảo M, Nguyễn Văn T4 di dời khỏi căn nhà cấp 4 của bà Lê Thị X tọa lạc tại số A ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang trên phần đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 01875 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp ngày 17/5/2017.

Bà Nguyễn Thị Hồng H và Nguyễn Thảo M, Nguyễn Văn T4 được quyền lưu cư 02 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Dành quyền khởi kiện cho bà Nguyễn Thị Hồng H nếu có yêu cầu tính công sức đóng góp thì khởi kiện thành vụ án khác.

3. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu số tiền 8.950.000 đồng. Bà X đã nộp xong, do đó bà H có nghĩa vụ giao nộp để trả lại cho bà X.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu là 300.000 đồng. Bà Lê Thị X được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010935 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu theo quy định là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 001385 ngày 29/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 06 tháng 8 năm 2024

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THÂM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Quốc Tuấn

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THÂM
CÁC THÂM PHÁN THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thái Sơn

Võ Thị Phụng

Dương Quốc Tuấn

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THÂM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Quốc Tuấn

